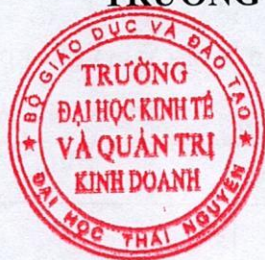


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KINH TẾ Y TẾ
Ngành: KINH TẾ
Mã ngành: 7310103

Thái Nguyên, 2018

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kinh tế y tế

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế

Mã ngành: 7310103

Hình thức đào tạo: Chính quy

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

Quy trình đào tạo: Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo:

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chương trình

*** Mục tiêu chung:**

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế y tế để đáp ứng nhu cầu nhân lực chuyên môn về quản lý ở các tổ chức, cơ sở y tế; các cơ sở giáo dục đại học; các cơ sở nghiên cứu và tự khởi nghiệp.

*** Mục tiêu cụ thể:**

1. về kiến thức: Có nền tảng kiến thức lý thuyết, thực tiễn về ngành kinh tế và nghiệp vụ chuyên sâu về Kinh tế y tế
2. về kỹ năng: Có các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng môi trường làm việc luôn có sự thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
3. về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân để hoàn thành các công việc.

4.2. Chuẩn đầu ra

4.2.1. Về kiến thức

- 1.1. Hiểu biết các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội;
- 1.2. Biết vận dụng khối kiến thức chung vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- 1.3. Hiểu và biết vận dụng kiến thức cơ bản của chuyên ngành Kinh tế y tế vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành đào tạo;
- 1.4. Có khả năng vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế học, kinh tế y tế,... để giải quyết các vấn đề có tính chuyên môn trong thực tiễn công việc;
- 1.5. Có khả năng quản lý các dự án về y tế;
- 1.6. Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của Trường Đại học Kinh tế & QTKD và các trường thuộc khối ngành Kinh tế và QTKD.

4.2.2. Về kỹ năng

- 2.1. Có kỹ năng phát hiện, xác định và giải quyết vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế y tế;
- 2.2. Có khả năng, kỹ năng nghiên cứu và khám phá: có khả năng hình thành các giả thuyết; có kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu; có kỹ năng thu thập thông tin trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh - quản lý, từ đó đề xuất các kiến nghị trong lĩnh vực Kinh tế y tế; có khả năng phản biện; biết cách nghiên cứu thực nghiệm và kiểm định giả thuyết; có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn;
- 2.3. Có tư duy theo hệ thống: Hình thành được tư duy chỉnh thể, logic; có khả năng phát hiện các vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề; có kỹ năng xác định vấn đề ưu tiên; có khả năng phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết cân bằng (hài hòa); hình thành được tư duy phân tích đa chiều.
- 2.4. Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành Kinh tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên

môn; Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Đại học Thái Nguyên cấp.

2.5. Sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng, có chứng chỉ tin học quốc tế IC3, MOS hoặc tương đương. Biết cách vận hành một số máy văn phòng và thiết bị có liên quan.

2.6. Có kỹ năng tư duy & làm việc độc lập;

2.7. Có kỹ năng làm việc theo nhóm (hình thành nhóm; vận hành, lãnh đạo nhóm; tạo động lực làm việc và phát triển nhóm; có khả năng làm việc hiệu quả với các nhóm khác);

2.8. Có kỹ năng thuyết trình một cách tự tin, mạch lạc những vấn đề chuyên môn trước nhiều người; Có khả năng giao tiếp tốt, có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp qua thư điện tử và các phương tiện truyền thông khác và có kỹ năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp.

4.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Kinh tế y tế; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3.3. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường.

3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình

*** Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)**

*** Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)**

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 126 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Các khối kiến thức	Số TC
1	Phần Kiến thức giáo dục đại cương*	33
2	Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	6
2.2	Kiến thức cơ sở của ngành	24
2.3	Kiến thức cơ sở của ngành chính	24
2.4	Kiến thức chuyên ngành	27
2.5	Thực tập nghề nghiệp/môn học	2

2.6	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	10
	Tổng toàn khóa	126

Ma trận thể hiện sự đóng của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT

1 = Mức độ đóng góp thấp; 2 = Mức độ đóng góp trung bình; 3 = Mức độ đóng góp cao

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra																	
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	2.7	2.8	3.1	3.2	3.3	3.4
1	Phần Kiến thức đại cương																		
1	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2							2			2				1		
2	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	2	2							2			2				1		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2							2			2				1		
4	Đường lối cách mạng Việt Nam	2	2							2			2				1		
5	Pháp luật đại cương	2	2							2			2				1		
6	Tiếng Anh 1										1				1				
7	Tiếng Anh 2										1				1				
8	Tiếng Anh 3										2				1				
9	Tiếng Anh 4										2				1				
10	Tiếng Anh 5										2				1				
11	Tiếng Anh 6										2				1				
12	Toán kinh tế	2	2																
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	2																
14	Tin học đại cương											2							
15	Giáo dục thể chất 1	1	1																
16	Giáo dục thể chất 2	1	1																
17	Giáo dục thể	1	1																

	chất 3																	
18	Giáo dục quốc phòng	1	1															
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																	
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành																	
19	Kinh tế vi mô 1	2	2		2		2		2	2		1		2				
20	Kinh tế vĩ mô 1	2	2		2		2		2	2		1		2				
2.2	Kiến thức cơ sở ngành																	
2.2.1	<i>Bắt buộc</i>																	
21	Quản trị học (căn bản)	2	2		2		2		2	2				2				
22	Tài chính - tiền tệ 1	2	2		2		2		2	2				2				
23	Nguyên lý thống kê	2	2		2		2		2	2				2				
24	Nguyên lý kế toán	2	2		2		2		2	2				2				
25	Marketing căn bản	2	2		2		2		2	2				2				
26	Luật Kinh tế (căn bản)	2	2		2		2		2	2				2				
27	Kinh tế lượng	2	2		2		2		2	2		2		2				
2.2.2	<i>Tự chọn</i>																	
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		1		2		2	2		2		2				
29	Lịch sử các học thuyết	2	2		1		2		2	2				2				

	kinh tế																	
30	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	2		1		2		2	2				2				
31	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	2	2		1		2		2	2		2		2				
2.3	Kiến thức cơ sở ngành chính																	
2.3.1	<i>Bắt buộc</i>																	
32	Kinh tế vi mô 2	3	2		3		2		2	2				2				
33	Kinh tế công cộng	3	2		3		2		2	2				2				
34	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	2		3		2		2	2				2				
35	Kinh tế môi trường	3	2		3		2		2	2				2				
36	Kinh tế bảo hiểm	3	2		3		2		2	2				2				
37	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	2		3		2		2	2				2				
2.3.2	<i>Tự chọn</i>																	
38	Kinh tế vĩ mô 2	3	2		3		2		2	2				2				
39	Kế toán doanh nghiệp	2	2		3		2		2	2				2				
40	Kinh tế phát triển 1	3	2		3		2		2	2				2				
41	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	2		3		2		2	2				2				
2.4	Kiến thức chuyên																	

	ngành																	
2.4.1	Bắt buộc																	
42	Kinh tế y tế 1			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
43	Dịch tễ học cơ bản																	
44	Kinh tế y tế 2			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
45	Giáo dục và nâng cao sức khỏe			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
46	Bảo hiểm xã hội			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
47	Quản lý dịch vụ y tế			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
48	Tổ chức quản lý và chính sách y tế			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
2.4.2	Tự chọn																	
49	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
50	Kế toán bảo hiểm			2	2	2	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
51	An sinh xã hội			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
52	Thống kê y tế			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
53	Quản lý bệnh viện			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
54	Quản trị kinh doanh bảo hiểm			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
55	Quản lý dự án y tế			3	3	3	2	2	2	2	1		2	2	2	2	2	2
	Các học phần tự chọn thay thế khóa luận																	

56	Bảo hiểm y tế			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
57	Nghiên cứu định tính trong y tế			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
58	Quản lý tài chính bệnh viện			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	-
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	MLP121
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP121; MLP132
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	MLP121; MLP13
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	-
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	-
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121; ENG122
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG121; ENG122; ENG123
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG121; ENG122; ENG123; ENG124
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	ENG121; ENG122; ENG123; ENG124; ENG125
12	MAE131	Toán kinh tế	3	PST131
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	MAE13

		toán		
14	GIF131	Tin học đại cương	3	-
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	-
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011; PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	-

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	-
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	MIE231

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
Bắt buộc				
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	-
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	MIE231
23	PSE 231	Nguyên lý thống kê	3	PST131
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	-
25	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231; MAE231
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	-
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	MAT 141, PST131, MIE231, MAE23
Tự chọn				
28	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	PSE231
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	MLP121
30	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	MIE231, MAE231, MAN231, ELA231
31	DED231	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	LAW121

7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
Bắt buộc				

32	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	MIE231., MIE231, MAE231
33	PEC331	Kinh tế công cộng	3	MIE231
34	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	MIE231, MAE231, MAN231, ELA231
35	ENC331	Kinh tế môi trường	3	MIE231
36	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	MIE231
37	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	MIE231, MAE231
	Tự chọn			
38	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	MAE231, MIE231
39	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	ACT231
40	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3	-
41	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	MIE231; MAE231; ACT231

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	Bắt buộc			
42	HEC331	Kinh tế y tế 1	3	MIE231; MAE231
43	BAE331	Dịch tễ học cơ bản	3	HEC331
44	HEC332	Kinh tế y tế 2	3	HEC331
45	EHP331	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	3	MHP331
46	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	ISE331
47	MHS331	Quản lý dịch vụ y tế	3	HEC331; HEC332
48	MHP331	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	3	HEC331
	Tự chọn			
49	HEO331	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp	3	MIE231
50	IAU 331	Kế toán bảo hiểm	3	ACT231
51	SOS331	An sinh xã hội	3	MIE231; SIN331
52	STH331	Thống kê y tế	3	PRS231; PSE 231,2
53	HOM331	Quản lý bệnh viện	3	PSE 231
54	IBA331	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	3	ISE331
55	HPM331	Quản lý dự án y tế	3	PPA331

7.2.5. Thực tập môn học

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	COP421	Thực tập môn học ngành Kinh tế	2	

7.2.6. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	GRI441	Thực tập tốt nghiệp ngành kinh tế	4	-
	THW964	KLTN/Các HP tự chọn thay thế KLTN	6	
56	HIN 331	Bảo hiểm y tế	3	HEC331
57	QRH331	Nghiên cứu định tính trong y tế	3	HEC331
58	HFM331	Quản lý tài chính bệnh viện	3	MIE231; MAE231

8. Kế hoạch đào tạo (Phụ lục C)

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

1.< Những NL CB của CN Mác-Lênin 1 >, MLP121

- Số tín chỉ: 02 Phân bố thời gian học tập: 24/12/72

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 1) là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó, biểu hiện bằng những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản, chung nhất trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua học tập, nghiên cứu học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (học phần 1), trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp họ tự giác trong quá trình nhận thức và hành động, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo của bản thân.

2.< Những NL CB của CN Mác-Lênin 2 >, MLP132

- Số tín chỉ: 03 Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I

- Môn học tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Chủ nghĩa Mác – Lênin được cấu thành bởi ba bộ phận lý luận cơ bản có mối quan hệ biện chứng thống nhất với nhau: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học đã được nghiên cứu ở Học phần I, đến Học phần II, người học sẽ được tiếp cận với Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Căn cứ vào mục tiêu học phần, học phần II được cấu trúc thành 2 phần với 6 chương nối tiếp học phần I.

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ ba gồm 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3.< Tư tưởng Hồ Chí Minh2 >, HCM121

- Số tín chỉ: 02

Phân bố thời gian học tập: 24/16/72

- *Môn học trước*: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).

- *Môn học tiên quyết*: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).

- *Môn học song hành*: Xã hội học đại cương

- *Tóm tắt nội dung môn học*:

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực khoa học chính trị. Nó có quan hệ mật thiết với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương, trình bày những vấn đề cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học.

Cụ thể:

+ Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn Tư Tưởng Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới;

- Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Qua đó, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.< Đường lối cách mạng Việt Nam>, VCP131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- *Môn học trước*: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xã hội học đại cương

- *Môn học tiên quyết*: “Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin” *Học phần I và Học phần II.*

- *Môn học song hành*: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học*:

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là 1 trong 3 môn học thuộc khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Môn học có quan hệ mật thiết với các môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì vậy, đường lối của Đảng vừa có tính khoa học, vừa có tính cách mạng sâu sắc.

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Đường lối cách mạng của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Qua học tập môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên có cơ sở vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội...theo đường lối, chính sách của Đảng.

5.< Pháp luật đại cương>, LAW121

- Số tín chỉ: 02

Phân bố thời gian học tập: 24/12/72

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:

Môn học Pháp luật đại cương là môn thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Một số ngành luật cơ bản trong Hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến : Nguồn gốc ra đời của nhà nước, pháp luật ; khái niệm, đặc trưng, vai trò, chức năng của nhà nước và pháp luật ; Các khái niệm pháp lý cơ bản: Quan hệ pháp luật; Quy phạm pháp luật; Thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật; Trên cơ sở những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong Hệ thống pháp luật Việt Nam.

Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là các sinh viên khối trường kinh tế và những người có quan tâm.

6.< Tiếng Anh 1>, ENG121

- Số tín chỉ: 02

Phân bố thời gian học tập: 24/12/72

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:

Tiếng Anh học phần 1 là một học phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

7.< Tiếng Anh 2>, ENG122

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Tiếng Anh học phần 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà

8.< Tiếng Anh 3>, ENG123

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 2

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

9.< Tiếng Anh 4>, ENG124

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*

- Môn học trước: Tiếng Anh học phần 3

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3

- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

10.< Tiếng Anh 5>, ENG125

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*
- *Môn học trước:* Tiếng Anh 4
- *Môn học tiên quyết:* Tiếng Anh 1,2,3,4
- *Môn học song hành:* Không
- *Tóm tắt nội dung môn học:*

Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

11.< Tiếng Anh 6>, ENG126

- Số tín chỉ: 02 *Phân bố thời gian học tập: 24/12/72*
- *Môn học trước:* Tiếng Anh 5
- *Môn học tiên quyết:* Tiếng Anh 1,2,3,4,5
- *Môn học song hành:* Không
- *Tóm tắt nội dung môn học:*

Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ trung cấp (Trình độ B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng

Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Sức khỏe, Thể thao, Âm thực, Môi trường, giao tiếp...* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ

vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

12.< Toán kinh tế>, MAE131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:

Nội dung học phần được chia làm bốn chương chính: Chương 1, người học sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về ma trận, các phép toán về ma trận, định thức, tính chất và cách tính định thức. Sinh viên sẽ được giới thiệu về khái niệm, tính chất và cách tìm ma trận nghịch đảo. Tiếp theo, sinh viên sẽ được học về hạng của ma trận, cách tìm hạng của ma trận và giải được hệ phương trình tuyến tính ở dạng tổng quát. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. Ở chương 2, chương 3, Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Sang chương 4, giới thiệu cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến.

13.< Lý thuyết xác suất và thống kê toán>, PST131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

-Môn học trước: Toán kinh tế

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Học phần *Lý thuyết xác suất và thống kê toán* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa về xác suất, các công thức xác suất, xác suất có điều kiện, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, dãy phép thử Bernoulli được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu về biến ngẫu nhiên, hàm phân phối, hàm mật độ, các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên như kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn, mode, trung vị, giá trị tới hạn và một số phân phối thông dụng như phân phối chuẩn, phân phối không – một, phân phối nhị thức, phân phối Student, phân phối khi bình phương, phân phối F... Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

14.< Tin học đại cương >, GIF131

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Môn học Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành windows, mua sắm máy tính, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

15.< Giáo dục thể chất 1>, PHE011

- Số tín chỉ: 01

Phân bố thời gian học tập: 4/26/60

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:*

GDTC I là học phần giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực, đảm bảo sự kế thừa về nội dung học tập một cách hệ thống và liên tục chặt chẽ với chương trình GDTC trong các trường phổ thông.

Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện.

16.< Giáo dục thể chất 2>, PHE012

- Số tín chỉ: 01

Phân bố thời gian học tập: 4/26/60

- Môn học trước: Học phần GDTC I

- Môn học tiên quyết: Học phần GDTC I

- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:*

GDTC II là học phần giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực, đảm bảo sự kế thừa về nội dung học tập một cách hệ thống và liên tục chặt chẽ với chương trình GDTC trong các trường phổ thông. Các

bài tập điền kinh không chỉ có tác dụng tốt đối với sức khỏe con người mà còn là cơ sở để phát triển các môn thể thao khác.

+ Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội.

+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Điền kinh, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện. Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học.

17.< Giáo dục thể chất 3>, PHE013

- Số tín chỉ: 01

Phân bố thời gian học tập: 4/26/60

- Môn học trước: Học phần GDTC I, GDTC II

- Môn học tiên quyết: Học phần GDTC I

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Bóng chuyền là môn thể thao hiện nay rất phát triển ở nước ta, đặc biệt trong các trường chuyên nghiệp, đây là môn thể thao có nhiều hình thức chơi cho từng trường hợp cụ thể và phù hợp với tất cả mọi người. Giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất trong môi trường đại học, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất, kỹ năng đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

18.< Giáo dục quốc phòng>

19.< Kinh tế vi mô 1>, MIE231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Toán kinh tế, Tin học đại cương

- Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế vi mô 1 là môn học cung cấp những kiến thức cơ sở cho sinh viên các trường thuộc khối ngành Kinh tế & Quản trị Kinh doanh. Học phần nghiên cứu và xem xét hành vi của các thành viên trong nền kinh tế. Cụ thể, môn học giới thiệu về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Cấu trúc thị trường; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Thị trường lao động; Các thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20.< Kinh tế vĩ mô 1>, MAE231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: : Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Kinh tế vĩ mô 1 là môn học cơ bản của chuyên ngành kinh tế, nghiên cứu và xem xét nền kinh tế với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Những biến số kinh tế vĩ mô cơ bản bao gồm tổng cung, tổng cầu, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng thể hiện sự điều tiết vĩ mô của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Bằng phương pháp mô hình hóa, trừu tượng hóa khoa học, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

21.< Quản trị học (căn bản)> MAN231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:*

Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị

22.< Tài chính - tiền tệ 1>, FAM231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lênin

- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín

dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

23.< Nguyên lý thống kê>, PSE 231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*

- Môn học trước: Lý thuyết XS & TKê toán

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: : Kinh tế Vi mô, Kinh tế Vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Môn học giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học, sinh viên sẽ hiểu, biết và vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng (Phương pháp phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số,...vv). Từ đó đọc, hiểu và tính toán được các chỉ tiêu kinh tế để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý.

24.< Nguyên lý kế toán>, Nguyên lý kế toán

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính

25.< Marketing căn bản>, GEM231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô

- Môn học song hành: : Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

26.< Luật Kinh tế (căn bản)>, ELA231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

27.< Kinh tế lượng>, ECO231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Môn học trước: Toán cao cấp, xác suất thống kê, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Tin ứng dụng, nguyên lý thống kê

- *Tóm tắt nội dung môn học:* . Học phần được kết cấu theo 8 chương với 2 nội dung căn bản: Nội dung thứ nhất (chương 1 đến chương 4) giới thiệu về mô hình hồi quy (đơn biến và đa biến): Cách biểu diễn mô hình hồi quy tổng thể, mô hình hồi quy mẫu, phương pháp ước lượng hệ số, khoảng tin cậy, kiểm định hệ số và kiểm định mô hình, dự báo. Nội dung thứ hai (chương 5 đến chương 8) giới thiệu về các khuyết tật có thể xảy ra của một mô hình kinh tế lượng (đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, thiếu biến/mô hình sai): khái niệm, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và biện pháp khắc phục. Song song với nội dung lý thuyết, sinh viên được hướng dẫn thực hành và làm bài tập nhóm trên phần mềm EVIEWS.

28.< Phương pháp nghiên cứu khoa học>, SRM231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*

- *Môn học trước:* Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng

- *Môn học tiên quyết:* Không

- *Môn học song hành:* : Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học cái nhìn tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó đưa ra các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến các phương pháp xử lý số liệu như thống kê mô tả, phương pháp phân tích định tính, phân tích định lượng để phục vụ cho nghiên cứu được tốt hơn; hướng dẫn sinh viên các viết một số báo cáo khoa học phù hợp với hướng nghiên cứu hiện nay của các nước phát triển.

29.< Lịch sử các học thuyết kinh tế>, HET231

- Số tín chỉ: 03 *Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*

- *Môn học trước:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

- *Môn học tiên quyết:* Không

- *Môn học song hành:* : Không

- *Tóm tắt nội dung môn học:* Môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế hệ thống đầy đủ các quan điểm kinh tế của các trường phái, các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện của chúng từ trước đến nay. Trong quá trình học, sinh viên sẽ nắm được quá trình hình thành, phát sinh, phát triển của từng hệ thống quan điểm kinh tế. Đánh giá các quan điểm kinh tế trong từng thời kỳ với nhau để thấy được ưu nhược điểm và hạn chế của những quan điểm này từ đó có cách nhìn khái quát nhất về quá trình phát triển kinh tế cho đến ngày nay cũng như rút ra những bài học, quan điểm riêng cho bản thân. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được một cách có hệ thống các quan điểm, các học thuyết kinh tế của các trường phái và các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện

lịch sử xuất hiện chúng. Từ đó, có các kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành Kinh tế khác.

30.< Địa lý kinh tế Việt Nam>, VGE231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- *Môn học trước*: Quản trị học, Luật Kinh tế.

- *Môn học tiên quyết*: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.

- *Môn học song hành*: Lịch sử các học thuyết kinh tế

- *Tóm tắt nội dung môn học*: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung, tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội của nước Việt Nam nói riêng. Môn học trình bày những khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế dựa theo chuyên môn hóa kinh tế. Môn học giới thiệu vai trò, vị trí của từng ngành kinh tế trong tổng thể nền kinh tế, giới thiệu sự phân bố cụ thể của các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam, từ đó sinh viên có thể áp dụng vào thực tế trong quy hoạch, lựa chọn vùng (địa điểm) cụ thể cho đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế. Môn học giúp cho sinh viên hiểu được vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế. Môn học giới thiệu các nguồn lực phát triển chủ yếu và cách sử dụng các nguồn lực đó để phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Và phần cuối cùng, môn học giới thiệu cụ thể về 8 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm các nội dung về: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, khung lãnh thổ, những thuận lợi - khó khăn và định hướng phát triển của vùng.

31.< Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế>, DED231

- Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- *Môn học trước*: Pháp luật đại cương

- *Môn học tiên quyết*: Không

- *Môn học song hành*: Không

- *Tóm tắt nội dung môn học*: Học phần Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế (VBQLKT) cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản và cách thức soạn thảo một số loại văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng; cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm văn bản, chức năng của văn bản, vấn đề thể thức văn bản, yêu cầu khi soạn thảo văn bản hành chính, quy trình soạn thảo văn bản hành chính; cách thức soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường như công văn, biên bản, thông báo, tờ trình, báo cáo, đơn từ..., kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa; kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng tặng cho tài sản.

32.< Kinh tế vi mô 2>, MIE332

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- *Học phần tiên quyết:* Kinh tế vi mô 1.
- *Học phần song hành:* không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiếp nối các kiến thức của kinh tế vi mô 1, học phần Kinh tế vi mô 2 cung cấp các kiến thức hiện đại và chuyên sâu về kinh tế vi mô cho sinh viên ngành kinh tế ở bậc đại học. Học phần nghiên cứu các vấn đề: Các mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa; Lý thuyết cầu; Lý thuyết về hãng; Thị trường cạnh tranh và độc quyền; Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Thị trường các yếu tố sản xuất; Các thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ. Từ đó, sinh viên nắm được kỹ hơn các vấn đề liên quan đến hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trong dài hạn, các quyết định sản xuất tối ưu của doanh nghiệp trong các thị trường khác nhau, các giải pháp can thiệp của Chính phủ để khắc phục những thất bại của thị trường.

33.< Kinh tế công cộng>, PEC331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108)*
- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô 1
- *Học phần tiên quyết:* không
- *Học phần song hành:* không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Kinh tế công cộng tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của môn học kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

Học phần trang bị cho sinh viên kinh tế những kiến thức cơ bản về môn học Kinh tế công cộng như vai trò, chức năng của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường, cách thức can thiệp và phương pháp đánh giá các tác động của những công cụ chính sách mà Chính phủ sử dụng để điều tiết nền kinh tế là hết sức cần thiết. Và điều này trở nên cần thiết hơn khi Đảng ta đã xác định mô hình phát triển của nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, theo định hướng XHCN.

34.< Kinh tế và chính sách phát triển vùng>, ERP331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Quản trị học, Luật Kinh tế.
- *Học phần tiên quyết:* Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- *Học phần song hành:* Kinh tế công cộng, Kinh tế môi trường.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vùng là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển có hiệu quả của kinh tế vùng sẽ tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế không chỉ riêng đối với từng vùng mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Phát triển các vùng kinh tế trên cơ sở khai thác thế mạnh tiềm năng mỗi vùng, liên kết giữa các vùng nhằm thu hút đầu tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đều có, làm cho các vùng đều có chuyển biến tiến bộ, cơ cấu kinh tế hợp lý tạo nên sự phát triển kinh tế xã - hội mạnh mẽ của cả nước là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh tế và chính sách phát triển vùng, tham khảo kinh nghiệm của các nước về phát triển kinh tế vùng và khả năng vận dụng ở Việt Nam là một trong những việc làm có ý nghĩa thiết thực. Môn học kinh tế và chính sách phát triển vùng sẽ đề cập đến các nội dung:

- + Vùng kinh tế và chính sách phát triển vùng
- + Các lý thuyết về phát triển vùng
- + Các mô hình đánh giá tăng trưởng và phát triển vùng
- + Chính sách marketing vùng
- + Chính sách thu hẹp khoảng cách phát triển vùng
- + Chính sách phát triển vùng có sự tham gia của cộng đồng
- + Chính sách phát triển đô thị
- + Các công cụ chính sách phát triển vùng

35.< Kinh tế môi trường>, ENC331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô 1
- *Học phần tiên quyết:* không
- *Học phần song hành:* không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về kinh tế tài nguyên và môi trường tự nhiên. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường (ô nhiễm, suy thoái môi trường...) và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa hệ thống kinh tế và môi trường tự nhiên, từ đó tiếp cận quan điểm phát triển bền vững. Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường được áp dụng trên thực tế như đánh giá giá trị rừng ngập mặn, đánh giá thiệt hại kinh tế của ô nhiễm khí quyển... từ đó có những cách thức sử dụng hiệu quả và phân bổ hợp lý tài nguyên môi trường. Cuối cùng, kinh tế môi trường cung cấp phương pháp khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên tái tạo được và không tái tạo được)

36.< Kinh tế bảo hiểm>, ISE331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

- Học phần tiên quyết: không

- Học phần song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp.

+ Trang bị cho sinh viên kinh tế những kiến thức cơ bản về môn học Kinh tế bảo hiểm như sự cần thiết của bảo hiểm, định nghĩa và bản chất của bảo hiểm, đối tượng nghiên cứu môn học kinh tế bảo hiểm, mối quan hệ giữa bảo hiểm với phát triển kinh tế xã hội.

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như Bản chất, đối tượng, tính chất và chức năng của bảo hiểm xã hội, BHTN, BHYT; Quỹ Bảo hiểm xã hội, BHTN, BHYT; Hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội; BHXH, BHYT Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường.

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về BHTM như bản chất, tác dụng của bảo hiểm thương mại; Quỹ bảo hiểm thương mại; Những nguyên tắc chung trong hoạt động của bảo hiểm thương mại; Các loại hình bảo hiểm thương mại; Khái quát chung về hợp đồng bảo hiểm thương mại

+ Môn học nhằm trang bị cho các đối tượng những kiến thức hết sức cơ bản: Các khái niệm, tác dụng và bản chất, cách tính phí bảo hiểm và số tiền bồi thường của bảo hiểm của một số loại hình bảo hiểm cụ thể như bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người.

37.< Lập và phân tích dự án đầu tư>, PPA331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Học phần học trước: Kinh tế Vi mô I, Kinh tế Vĩ mô I
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Lập và phân tích dự án đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án. Môn học bắt đầu từ việc xem xét những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, đi sâu xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác tổ chức soạn thảo dự án; xem xét nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật, nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự, nghiên cứu khía cạnh tài chính và kinh tế - xã hội.

Đây là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Kinh tế Đầu tư. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của môn học này đã cung cấp, sinh viên chuyên ngành sẽ tiếp cận được kiến thức của các môn học: Thẩm định dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư và quản lý rủi ro trong đầu tư.

38.< Kinh tế vĩ mô 2>, MAE332

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1
- Học phần tiên quyết: Kinh tế vĩ mô 1
- Học phần song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Kinh tế vĩ mô – học phần 2 nghiên cứu những kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô về ứng xử tổng thể của nền kinh tế theo các biến số quan trọng như: tiêu dùng, đầu tư, lãi suất, thu nhập... Đặc biệt là vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế mở. Đồng thời, học phần này cũng đề cập đến những vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và các mô hình mô tả nền kinh tế trong dài hạn, từ sản xuất, phân phối đến phân bổ thu nhập quốc dân; mô hình cân bằng tổng hợp như mô hình IS-LM, mô hình Mundell –Fleming. Học phần cũng chú trọng đến việc áp dụng những mô hình, lý thuyết kinh tế vĩ mô để phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong thực tế điều hành nền kinh tế vĩ mô. Việc xây dựng các mô hình kinh tế sẽ giúp giải thích các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.

39.< Kế toán doanh nghiệp >, BUA331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Không

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán,

- Học phần song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần kế toán doanh nghiệp là học phần tự chọn cho các khối sinh viên ngoài ngành kế toán. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất với các phần hành kế toán cơ bản. Học phần KTDN được kết cấu theo 6 chương bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; Kế toán Tài sản cố định, Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả tiêu thụ. Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp về lựa chọn chứng từ, lập định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần này còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả giúp sinh viên phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến công việc kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Đây là học phần học sau học phần Nguyên lý kế toán,...

40.< Kinh tế phát triển 1>, DEC331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Không

- Học phần tiên quyết: không

- Học phần song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Kinh tế phát triển là một môn trong hệ thống các môn kinh tế học. Học phần này nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Như vậy, môn học sẽ cung cấp cho người học, các nhà kinh tế tương lai, các nhà hoạch định chính sách những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển

Học phần kinh tế phát triển dựa trên nền tảng công cụ lý thuyết của kinh tế học, nhất là kinh tế học tân cổ điển và kinh tế học hiện đại để tìm hiểu, lý giải, phân tích các vấn đề thực tiễn đã và đang diễn ra. Học phần này cũng có mối liên hệ mật thiết với các môn học kinh tế ngành khác như: kinh tế quốc tế, kinh tế công cộng, kinh tế môi trường, kinh tế nguồn nhân lực...tài chính công...

Để thực hiện được vai trò của mình, học phần kinh tế phát triển sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:

+ Tăng trưởng và phát triển kinh tế

- + Các lý thuyết phát triển kinh tế
- + Các nguồn lực phát triển kinh tế
- + Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế
- + Toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức

41.< Kinh tế thương mại và dịch vụ>, ETS331

- Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Toán kinh tế

- Học phần tiên quyết: không

- Học phần song hành: Kinh tế phát triển

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung: khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung. Tìm hiểu các chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý như thế nào để quản lý ngành thương mại có hiệu quả của nhà nước. Phần cuối học phần đã đề cập đến những phương thức đánh giá hiệu quả kinh doanh, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng.

42.< Kinh tế y tế 1>, HEC331

- Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

- Học phần tiên quyết: không

- Học phần song hành: Kinh tế phát triển

- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Đại cương kinh tế y tế, hàng hóa sức khỏe và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Cầu về dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nhu cầu về thuốc, nhu cầu về chăm sóc y tế tại cộng đồng, Quá trình sản xuất và chăm sóc sức khỏe, sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, Hành vi lựa chọn dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Các hình thức cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Bác sĩ trong thị trường chăm sóc sức khỏe, Bệnh viện trong thị trường chăm sóc sức khỏe, bệnh viện và thị trường cho nhân viên y tế, bệnh viện và bệnh nhân, bệnh viện trong thị trường lao động, tương tác giữa bệnh viện và bác sĩ.

43.< Dịch tế học cơ bản>, Dịch tế học cơ bản

- Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Kinh tế y tế 1

- Học phần tiên quyết: không

- Học phần song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Dịch tễ học là môn học giúp cho các em sinh viên chuyên ngành Kinh tế y tế biết được khái quát nguyên nhân gây bệnh, phân tích nguyên nhân, tìm giải pháp phòng chống bệnh dịch. Đồng thời môn DTH giúp cho sinh viên khái niệm về các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong các nghiên cứu tại cộng đồng.

44.< Kinh tế y tế 2>, HEC332

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Học phần học trước: Kinh tế y tế 1
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu các nội dung cơ bản về kinh tế y tế như: thất bại của thị trường chăm sóc sức khỏe, ngân sách y tế và tài khoản y tế quốc gia; phí khám chữa bệnh và các phương thức chi trả, đánh giá kinh tế y tế, dự báo kinh tế y tế, và chính sách y tế. Cụ thể: những vấn đề cơ bản về thị trường hàng hóa chăm sóc sức khỏe, về các thất bại của thị trường chăm sóc sức khỏe như hàng hóa công cộng, ngoại ứng, thông tin không hoàn hảo, thiếu cơ hội xem mẫu hàng, về các thất bại của thị trường bảo hiểm như vấn đề kẻ ăn không, thông tin không hoàn hảo và về sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường này. Những nội dung cơ bản về ngân sách y tế và tài khoản y tế quốc gia và phí khám chữa bệnh và các phương thức chi trả như khái niệm, mục tiêu, tác dụng, kết cấu, các phương thức chi trả viện phí và tình hình tại Việt Nam. Những nội dung cơ bản về đánh giá và dự báo kinh tế y tế: khái niệm, các phương thức đánh giá kinh tế y tế, các phương thức dự báo, cách phân tích chi phí, đánh giá kinh tế y tế, cách dự báo kinh tế y tế. Những nội dung cơ bản về và chính sách y tế như sức khỏe là hàng hóa kinh tế, chính sách về chăm sóc sức khỏe và tình hình chăm sóc sức khỏe nhân dân tại Việt Nam.

45.< Giáo dục và nâng cao sức khỏe>, EHP331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Học phần học trước: Tổ chức và quản lý chính sách y tế; Quản lý tài chính y tế
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Khái niệm, vị trí vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe; Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe; Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe; Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe; Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe; giáo dục sức khỏe ở cộng đồng

46.< Bảo hiểm xã hội >, SIN331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Kinh tế bảo hiểm

- Học phần tiên quyết: không

- Học phần song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học BHXH nghiên cứu chủ yếu các nội dung sau đây:

+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về BHXH và vị trí, vai trò của BHXH trong hệ thống an sinh xã hội.

+ Làm rõ đặc điểm, cơ sở hình thành và nội dung các chế độ BHXH, hệ thống các chế độ BHXH của Việt Nam.

+ Nghiên cứu bản chất, chức năng và đặc điểm của tài chính BHXH, quỹ BHXH và vấn đề đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH.

+ Xác định những nguyên tắc và cơ sở định phí BHXH, phương pháp xác định phí BHXH.

+ Làm rõ bản chất, vai trò vị trí của BHYT

+ Nghiên cứu tình hình thực hiện BHXH ở Việt Nam và các xu hướng phát triển của BHXH.

+ Nghiên cứu quản lý sự nghiệp BHXH và quản lý nhà nước về BHXH ở Việt Nam.

+ Phân tích BHXH ở một số nước trên thế giới để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

47.< Quản lý dịch vụ y tế>, MHS331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- Học phần học trước: Kinh tế y tế 1; Kinh tế y tế 2

- Học phần tiên quyết: không

- Học phần song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Mô tả hệ thống cung cấp dịch vụ y tế, quản lý chất lượng dịch vụ y tế, quản lý dịch vụ y tế dự phòng và quản lý dịch vụ khám chữa bệnh. Trong đó cụ thể là các nội dung kiến thức tổng quan về dịch vụ y tế và các nguyên tắc trong cung cấp dịch vụ y tế, các công cụ mô hình được ứng dụng để quản lý chất lượng dịch vụ y tế, hệ thống tổ chức và quản lý y tế dự phòng, các công cụ quản lý y tế dự phòng và các nội dung trong quản lý dịch vụ khám chữa bệnh. Trên cơ sở đó, nêu ra được một bức tranh tổng thể trong công tác quản lý dịch vụ y tế cho người học và cùng người học tìm ra những điểm cần cải thiện trong lĩnh vực quản lý dịch vụ y tế của nước ta hiện nay.

48.< Tổ chức quản lý và chính sách y tế>, MHP331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Kinh tế y tế 1, chính sách y tế
- *Học phần tiên quyết:* không
- *Học phần song hành:* Quản lý tài chính tế, thống kê y tế
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Tổ chức và quản lý và chính sách y tế là môn học nghiên cứu về các lý luận hệ thống y tế, quản lý các nguồn lực và các hoạt động y tế, chính sách y tế từ đó vận dụng lý luận vào thực tiễn về hệ thống y tế Việt Nam, quản lý các nguồn lực y tế và các hoạt động y tế tại các tuyến, xây dựng và thực hiện các chính sách y tế có hiệu quả. Học phần gồm những nội dung sau: Tổng quan về tổ chức và quản lý y tế; Tổ chức và quản lý hệ thống y tế Việt Nam; Quản lý các nguồn lực y tế; Tổ chức và Quản lý hệ thống khám chữa bệnh; Đại cương về chính sách y tế; Quá trình xây dựng chính sách y tế; Một số chính sách lớn về y tế của Việt Nam hiện nay.

49.< Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp>, HE0331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Kinh tế học vi mô 1
- *Học phần tiên quyết:* không
- *Học phần song hành:* không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu hai phần chính là sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp. Trong phần 1 tập trung nghiên cứu các nội dung sau: Tổng quan về sức khỏe môi trường; Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật; Tác động của các nguồn ô nhiễm tới sức khỏe môi trường; Quản lý sức khỏe môi trường và phát triển bền vững. Phần 2 “Sức khỏe nghề nghiệp” nghiên cứu các nội dung: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp; Bệnh nghề nghiệp; Sinh lý lao động và an toàn trong lao động.

50.< Kế toán bảo hiểm>, IAU331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Nguyên lý kế toán
- *Học phần tiên quyết:* Nguyên lý kế toán
- *Học phần song hành:* không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ về công tác kế toán trong các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. Với các hoạt động kinh doanh đặc thù như: bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, nhận tái, nhượng tái bảo hiểm về các vấn đề thuộc nguyên tắc, phương pháp kế toán cũng như các báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

51.< An sinh xã hội>, SOS331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Kinh tế bảo hiểm, bảo hiểm xã hội
- *Học phần tiên quyết:* không
- *Học phần song hành:* không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học an sinh xã hội nghiên cứu các nội dung tổng quan về vai trò, bản chất chức năng của an sinh xã hội, các chính sách an sinh xã hội; Nghiên cứu khái quát về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm xã hội trong hệ thống an sinh xã hội; Nghiên cứu các hình thức của hệ thống an sinh xã hội đó là bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, chính sách xóa đói giảm nghèo và quỹ dự phòng. Bên cạnh đó môn học cũng nghiên cứu về bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội, các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội. Môn học cũng đề cập đến việc nâng cao nhận thức về an sinh xã hội và giới thiệu về cơ quan quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

52.< Thống kê y tế>, STH331

Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108

- *Học phần học trước:* Nguyên lý thống kê, Kinh tế y tế, Thống kê kinh tế
- *Học phần tiên quyết:* không
- *Học phần song hành:* không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Cung cấp cho sinh viên đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học. Nắm được hệ thống tổ chức y tế Việt Nam và hệ thống các chỉ tiêu thống kê y tế của Việt Nam.

Nội dung môn học phản ánh chi tiết các hoạt động kinh tế y tế cũng như tác động qua lại giữa chúng. Không dừng lại ở đây, thống kê y tế còn cung cấp phương pháp xây dựng và phân tích các báo cáo thống kê y tế thông qua hệ thống các báo cáo thống kê bệnh viện, phục vụ cho việc lập kế hoạch phát triển kinh tế y tế.

53.< Quản lý bệnh viện >, HOM331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước:* Kinh tế y tế 1
- *Học phần tiên quyết:* không
- *Học phần song hành:* không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: khái niệm về quản lý bệnh viện, quản lý bệnh viện theo hệ thống, xây dựng kế hoạch bệnh viện, quản lý công tác chuyên môn bệnh viện, quản lý nguồn nhân lực, công tác dược và quản lý, quản lý công tác chăm sóc toàn diện, quản lý cơ sở hạ tầng, quản lý trang thiết bị, quản lý vệ sinh môi trường, quản lý thống kê và ứng dụng tin học...

54.< Quản trị kinh doanh bảo hiểm>, IBA331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Học phần học trước: Kinh tế bảo hiểm
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được thiết kế gồm chương giới thiệu những nội dung cơ bản nhất quản trị kinh doanh bảo hiểm bao gồm: Sự cần thiết của quản trị kinh doanh bảo hiểm; quản trị tài chính, nguồn nhân lực, sản phẩm bảo hiểm và khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm; công tác trích lập dự phòng cũng như giám định và bồi thường thiệt hại trong kinh doanh bảo hiểm; các hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm...

55.< Quản lý dự án y tế>, HPM331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Học phần học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Quản lý dự án y tế là một môn khoa học kinh tế nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quản lý dự án y tế. Nhiệm vụ chính của môn học là luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án y tế, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án y tế. Đồng thời, môn học cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án y tế.

56.< Bảo hiểm y tế >, HIN 331

- Số tín chỉ **03**; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108
- Học phần học trước: Kinh tế y tế 1
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về bảo hiểm y tế; Sơ lược hình thành, phát triển bảo hiểm y tế và kinh nghiệm thực hiện bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới; tài chính bảo hiểm y tế; tổ chức quản lý bảo hiểm y tế; Kinh tế bảo hiểm y tế và thị trường chăm sóc sức khỏe; Kinh tế học phúc lợi trong bảo hiểm y tế; Bảo hiểm y tế toàn dân; Thanh toán bảo hiểm y tế và giao dịch trong thị trường bảo hiểm và Bảo hiểm y tế xã hội với thị trường lao động.

57.< Nghiên cứu định tính trong y tế>, QRH331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước: Kinh tế y tế 1*
- *Học phần tiên quyết: không*
- *Học phần song hành: không*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu các nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học như: các khái niệm chung về nghiên cứu khoa học, các đặc trưng cơ bản của nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học và quy trình nghiên cứu khoa học; các nội dung cụ thể về phương pháp nghiên cứu định tính trong y tế: mục đích, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu định tính, các trường hợp sử dụng nghiên cứu định tính, phân biệt nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, quy trình thiết kế một nghiên cứu định tính phù hợp với một vấn đề sức khỏe cụ thể, một số mô hình thiết kế nghiên cứu kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, các phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu định tính và đánh giá nhanh trong nghiên cứu định tính. Từ đó người học có thể thiết kế được nghiên cứu định tính, đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng về một vấn đề sức khỏe, sử dụng được các phương pháp thu thập số liệu định tính bao gồm phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trọng tâm và quan sát, thực hiện được một số phương pháp thu thập số liệu định tính và đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng trên thực địa.

58.< Quản lý tài chính bệnh viện>, HFM331

- *Số tín chỉ 03; Phân bố thời gian học tập: 36/18/108*
- *Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1*
- *Học phần tiên quyết: không*
- *Học phần song hành: Kinh tế y tế*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: quản lý tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý tài chính tại bệnh viện, các công cụ quản lý tài chính tại bệnh viện, Công tác quản lý các nguồn lực tài chính (ngân sách nhà nước, nguồn thu viện phí và bảo hiểm y tế, nguồn viện trợ và các nguồn thu khác); quản lý sử dụng các nguồn lực tài chính; cơ chế quản lý tài chính bệnh viện.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

Trung tâm ngoại ngữ tin học, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên

10.2. Thư viện, trang Web

- Trung tâm thông tin thư viện, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên (<http://elib.tueba.edu.vn/>)

- Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên (<http://lrc.tnu.edu.vn/>)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục A:

1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT Kinh tế y tế
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1.3; 1.4; 1.5
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.2; 1.3
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.2
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.4; 1.5; 1.6
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.1
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.2
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.6; 2.7; 2.8
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.5; 2.6; 2.7
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.2; 2.3; 2.8
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.4
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.1
Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	3.2, 3.1
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3.3
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.4

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CDR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng;

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ;

Mức 2: Đáp ứng một phần;

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu;

Chuẩn đầu ra CTĐT	Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
Kiến thức:		
1.1	3	3
1.2	3	2
1.3	3	3
1.4	3	2
1.5	3	2
1.6	3	2
Kỹ năng:		
2.1	3	3
2.2	3	2
2.3	2	2
2.4	4	2
2.5	2	3
2.6	3	2
2.7	3	3
2.8	3	3
Mức tự chủ và trách nhiệm		
3.1	3	3
3.2	2	2
3.3	3	3
3.4	3	3

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT Kinh tế Y tế

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: KINH TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CĐR của CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan trong đó gồm ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu sinh viên..., từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các CĐR của CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

- Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với các ý kiến đóng góp của Nhà sử dụng LĐ và Cựu người học.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

CĐR CTĐT Kinh tế Y tế - TUEBA	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.1	X – 80%	X – 80%	
1.2	X – 80%	X – 90%	
1.3	X – 90%	X – 90%	
1.4	X – 80%	X – 90%	
1.5	X – 90%	X – 90%	
1.6	X – 90%	X – 90%	
2.1	X – 80%	X – 80%	
2.2	X – 80%	X – 80%	
2.3	X – 80%	X – 80%	
2.4	X – 80%	X – 90%	
2.5	X – 80%	X – 80%	
2.6	X – 90%	X – 90%	
2.7	X – 80%	X – 80%	
2.8	X – 80%	X – 80%	
3.1	X – 80%	X – 80%	
3.2	X – 90%	X – 90%	
3.3	X – 80%	X – 80%	
3.4	X – 80%	X – 80%	

3. Đánh giá chung

Về cơ bản CDR CTĐT Kinh tế y tế được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT

BÁO CÁO
NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: Các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong nước ban hành, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Nội dung đối sánh bên ngoài (Đối sánh và tham chiếu khung CTĐT với các khung CTĐT trong nước) – Không có

2.2. Nội dung đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu khung CTĐT với các ý kiến đóng góp của các bên liên quan

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LĐ	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>
I	Phần Kiến thức đại cương		33		
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2	2
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2	2
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	2
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	2	2

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LĐ	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	3	3
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	3	3
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	3	3
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	3	3
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	3	3
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	3	2
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	2	2
12	MAE131	Toán kinh tế	3	3	3
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	3
14	GIF131	Tin học đại cương	3	3	3
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	3	3
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	3	3
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	8	8
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần		
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6	48	14
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	3	3
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3
2.2	Kiến thức cơ sở ngành		24		
2.2.1	Bắt buộc		21		
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	3	3
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	3	3
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	2	3
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	3	2

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LĐ	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
25	GEM231	Marketing căn bản	3	3	3
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	3	3
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	3	3
2.2.2	<i>Tự chọn</i>		3		
28	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	3
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	2	2
30	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	2	3
31	DED231	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3	3	3
2.3	<i>Kiến thức cơ sở ngành chính</i>		24		
2.3.1	<i>Bắt buộc</i>		18		
32	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	3	3
33	PEC331	Kinh tế công cộng	3	3	3
34	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	3	3
35	ENC331	Kinh tế môi trường	3	3	3
36	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	5	3
37	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	3	3
2.3.2	<i>Tự chọn</i>		6		
38	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	3	3
39	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3		3
40	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3		3
41	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	3	3
2.4	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>		27		
2.4.1	<i>Bắt buộc</i>		21		

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LĐ	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
42	HEC331	Kinh tế y tế 1	3	3	3
43	BAE331	Dịch tễ học cơ bản	3	3	3
44	HEC332	Kinh tế y tế 2	3	3	3
45	EHP331	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	3	3	3
46	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	3	3
47	MHS331	Quản lý dịch vụ y tế	3	2	3
48	MHP331	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	3	3	3
2.4.2	Tự chọn		6		
49	HEO331	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp	3	3	2
50	IAU 331	Kế toán bảo hiểm	3	3	2
51	SOS331	An sinh xã hội	3	3	2
52	STH331	Thống kê y tế	3	2	2
53	HOM331	Quản lý bệnh viện	3	2	2
54	IBA331	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	3	3	2
55	HPM331	Quản lý dự án y tế	3	3	2
2.4	DEC421	Thực tập môn học	2		
3	Khóa luận tốt nghiệp		10		
3.1	GRI441	Thực tập tốt nghiệp	4	4	4
3.2	THW964	Khóa luận tốt nghiệp	6	6	6
	Các học phần tự chọn thay thế khóa luận		6		
56	HIN 331	Bảo hiểm y tế	3		4
57	QRH331	Nghiên cứu định tính trong y tế	3	3	3
58	HFM331	Quản lý tài chính bệnh	3	3	3

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LĐ	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
		viện			
	Tổng toàn khóa (1+2.1+2.2+2.3+2.4+3)		126		

3.Đánh giá chung

Chương trình đào tạo Kinh tế Y tế của trường Đại học kinh tế và Quản trị Kinh doanh có tổng số tín chỉ của chương trình là 126 TC, trong đó có 33TC là phần kiến thức đại cương, 93 TC là kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó có 10TC khóa luận tốt nghiệp. Nhìn chung, chương trình đào tạo Kinh tế Y tế của Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh có số lượng tín chỉ vừa phải. Trong đó số lượng học phần tự chọn là khá nhiều. Điều đó cho thấy Nhà trường đề cao tính tự chủ trong học tập của sinh viên. Sinh viên có thể lựa chọn những môn học phù hợp với định hướng học tập của mình hơn. Tuy nhiên, Nhà trường cần phải thực hiện tốt trong việc định hướng cho sinh viên tự chọn môn học một cách đúng đắn nhất, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra và định hướng nghề nghiệp cũng như vị trí việc làm mà sinh viên mong muốn trong tương lai.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỐI SÁNH CỦA CÁC HỌC PHẦN

Chương trình đào tạo: Kinh tế y tế

STT	Tên học phần	STT	Tên học phần
1	Kinh tế công cộng	9	Tổ chức quản lý và chính sách y tế
2	Kinh tế bảo hiểm	10	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp
3	Kinh tế y tế 1	11	Quản lý bệnh viện
4	Dịch tể học cơ bản	12	Quản trị kinh doanh bảo hiểm
5	Kinh tế y tế 2	13	An sinh xã hội
6	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	14	Bảo hiểm y tế
7	Bảo hiểm xã hội	15	Nghiên cứu định tính trong y tế
8	Quản lý dịch vụ y tế	16	Quản lý tài chính bệnh viện

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN****TRƯỜNG ĐẠI HỌC KT& QTKD****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO****Ngành: Kinh tế****CTĐT: Kinh tế y tế****Mã ngành: 7310103****Thời gian đào tạo: 04 năm**

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. Khối Kiến thức đại cương			33										
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	24	12	2							
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	36	18		3						
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12			2					
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	36	18				3				
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	24	12						2		
12	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18	3							
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18		3						
14	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18	3							

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
2. Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93										
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6										
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	36	18		3						
2.2.	Kiến thức cơ sở của ngành												
	Bắt buộc		21										
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	36	18		3							
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	36	18		3							
23	PSE 231	Nguyên lý thống kê	36	18			3						
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	36	18			3						
25	GEM231	Marketing căn bản	36	18			3						
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	36	18				3					
27	ECO231	Kinh tế lượng	36	18				3					
	Tự chọn		3						3				

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
28	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	36	18									
29	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	36	18									
30	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	36	18									
31	DED231	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	36	18									
2.3	Kiến thức cơ sở của ngành chính		24										
	<i>Bắt buộc</i>		18										
32	MIE332	Kinh tế vi mô 2	36	18			3						
33	PEC331	Kinh tế công cộng	36	18				3					
34	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	36	18					3				
35	ENC331	Kinh tế môi trường	36	18					3				
36	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	36	18					3				
37	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	36	18					3				
	<i>Tự chọn</i>		6								6		
38	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	36	18									
39	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	36	18									
40	DEC331	Kinh tế phát triển 1	36	18									
41	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	36	18									
2.4	Kiến thức chuyên ngành		27										
	<i>Bắt buộc</i>		21										

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
42	HEC331	Kinh tế y tế 1	36	18					3				
43	BAE331	Dịch tễ học cơ bản	36	18						3			
44	HEC332	Kinh tế y tế 2	36	18						3			
45	EHP331	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	36	18							3		
46	SIN331	Bảo hiểm xã hội	36	18							3		
47	MHS331	Quản lý dịch vụ y tế	36	18							3		
48	MHP331	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	36	18							3		
	Tự chọn		6									6	
49	HEO331	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp	36	18									
50	IAU 331	Kế toán bảo hiểm	36	18									
51	SOS331	An sinh xã hội	36	18									
52	STH331	Thống kê y tế	36	18									
53	HOM331	Quản lý bệnh viện	36	18									
54	IBA331	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	36	18									
55	HPM331	Quản lý dự án y tế											
2.5	COP421	Thực tập môn học ngành Kinh tế	2								2		
2.6	Tốt nghiệp												
	GRI441	Thực tập tốt nghiệp ngành	4										4

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
		<i>Kinh tế</i>											
	<i>ECO904</i>	<i>KLTN/Các HP tự chọn thay thế KLTN</i>	6										6
56	HIN 331	Bảo hiểm y tế	3	36	18								
57	QRH331	Nghiên cứu định tính trong y tế	3	36	18								
58	HFM331	Quản lý tài chính bệnh viện	3	36	18								
Tổng số tín chỉ toàn khóa			126		126			15	17	16	17	17	16

Ghi chú: Các học phần thực tập môn học gồm: Kinh tế y tế, Bảo hiểm xã hội, Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần